

Số: 139/TB-QT&KD

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2024

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2024**  
**Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (HSB-MBA)**  
**do ĐHQGHN cấp bằng**

Trường Quản trị và Kinh doanh - HSB (Trước là Khoa Quản trị Kinh doanh), trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU) được thành lập ngày 13/07/1995. HSB là đơn vị tiên phong về các chương trình đào tạo quản trị liên ngành và quản trị kinh doanh tích hợp, hợp tác với các trường đại học hàng đầu trên thế giới như ĐH SUNY Albany (Mỹ), ĐH Queensland (Úc), ĐH Massey (New Zealand), ... Hiện nay, HSB đã trở thành một thương hiệu có uy tín hàng đầu tại Việt Nam triển khai thành công nhiều chương trình đạo tạo mới và liên ngành từ trình độ đại học đến thạc sĩ và tiến sĩ như: MET, MAC, HAT, MAS, MNS, MOTE, MBA và DMS trên cơ sở kết hợp sáng tạo 3 trụ cột học thuật là: Quản trị, Công nghệ và An ninh.

Sau nhiều năm tháng nỗ lực phấn đấu, năm 2023, Trường Quản trị và Kinh doanh tự hào được nhận kết quả ĐẠT chất lượng kiểm định theo chuẩn chất lượng Châu Âu trong khuôn khổ Quản trị Chất lượng Giáo dục Châu Âu (ESG) do Viện Đảm bảo Chất lượng, Kiểm định và Chứng nhận Chất lượng (ACQUIN – Đức) cấp cho toàn bộ các chương trình đào tạo chính quy, chất lượng cao của HSB.

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Thạc sĩ ban hành theo quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022; Hướng dẫn tuyển sinh Sau đại học năm 2024 số 589/HD-TSSĐH ngày 01/03/2024 và Quyết định số 585/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/03/2024 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024,

Trường Quản trị và Kinh doanh, Đại học Quốc gia Hà Nội **thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (HSB-MBA)** hệ chính quy năm 2024 với các thông tin cụ thể như sau:

**1. Thông tin tóm tắt về Chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**

Tên tiếng Anh: ***Business Administration***

Tên viết tắt: ***HSB-MBA***

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: **Quản trị kinh doanh**

Tên tiếng Anh: ***Business Administration***

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340101.01
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tiếng Việt: **Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh**

Tiếng Anh: ***The Degree of Master in Business Administration***

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 30 chỉ tiêu

### **3. Đối tượng dự tuyển**

Đối tượng dự tuyển vào chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (HSB-MBA) là các thí sinh:

- Đáp ứng điều kiện tại mục 7 của thông báo này;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khoẻ để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn tại mục 4 của thông báo này.
- Đối với thí sinh là người nước ngoài: Xét tuyển theo Quy định hiện hành về việc thu hút và quản lý sinh viên/ học viên quốc tế tại ĐHQGHN.

### **4. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ**

- Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Đồng thời, thí sinh truy cập vào cổng đăng ký dự tuyển trực tuyến của HSB tại địa chỉ [Phiếu Đăng ký dự thi Mới \(zohopublic.com\)](http://Phiếu Đăng ký dự thi Mới (zohopublic.com)) và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Thời gian đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ:

- Đợt 1: 8h00 ngày 11/03/2024 đến 17h00 ngày 24/04/2024
- Đợt 2: 8h00 ngày 14/05/2024 đến 17h00 ngày 23/08/2024

- Thí sinh sau khi đăng ký trực tuyến phải nộp đầy đủ **hồ sơ bản cứng** (theo quy định tại mục 11 của thông báo này) trong thời gian đăng ký dự tuyển tại Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO), tầng 2, nhà B1, Trường Quản trị và Kinh doanh, ĐHQGHN, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

## 5. Thời gian phỏng vấn và viết luận (dự kiến)

- **Đợt 1:** 18-19/05 và 25-26/05

- **Đợt 2:** 21-22/09 và 28- 29/09

## 6. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo chuẩn là 02 năm và không được kéo dài quá 02 năm sau thời gian đào tạo chuẩn;

- Thời gian học ngoài giờ hành chính.

## 7. Điều kiện dự tuyển

### 7.1. Điều kiện văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

- Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức chi tiết như sau:

- **Nhóm 1:** Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gồm các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý và các ngành Quản trị doanh nghiệp và Công nghệ, Quản trị nhân lực và nhân tài, Quản trị và An ninh, Marketing và truyền thông, được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp mà không phải học bổ sung kiến thức.

- **Nhóm 2:** Ứng viên có bằng Đại học học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp thuộc nhóm ngành Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế) được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (11 tín chỉ):

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị học <i>Management</i>	4	6
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>11</b>	<b>16.5</b>

- **Nhóm 3:** Thí sinh có bằng Đại học học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp gồm: Giáo dục Chính trị, Kinh doanh xuất bản phẩm, Quản lý thể dục thể thao và các ngành thuộc nhóm ngành: Luật; Toán học; Thống kê; Quản lý công nghiệp;

Quản lý xây dựng; Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Thủy sản; Khoa học giáo dục; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Khoa học chính trị; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Khu vực học; Báo chí và truyền thông; Máy tính; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường; Công nghệ dầu khí và khai thác dầu; Công nghệ kỹ thuật in; Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống; Sản xuất, chế biến sợi, vải, giày, da; Quản lý y tế; Du lịch; Khách sạn, nhà hàng; Kinh tế gia đình; Khai thác vận tải; Quản lý tài nguyên và môi trường; được dự thi sau khi có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (26 tín chỉ) sau:

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Tương đương với tín chỉ ECTS
1.	Quản trị học <i>Management</i>	4	6
2.	Quản trị công ty <i>Corporate Governance</i>	4	6
3.	Quản trị dự án và rủi ro <i>Project and Risk Management</i>	3	4.5
4.	Kinh tế học <i>Economics</i>	4	6
5.	Nguyên lý kế toán <i>Principle of Accounting</i>	4	6
6.	Quản trị tài chính doanh nghiệp <i>Management of Corporate Finance</i>	4	6
7.	Nguyên lý Marketing và truyền thông <i>Principles of Marketing &amp; Communication</i>	3	4.5
<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>26</b>	<b>39</b>

**Lưu ý:**

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;
- Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (nếu có) trước khi đăng ký dự tuyển;
- HSB tổ chức chương trình bổ sung kiến thức và cấp giấy chứng nhận kèm bảng điểm cho các thí sinh thuộc nhóm phải học bổ sung kiến thức;
- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ được thông báo chi tiết đến thí sinh đăng ký.

**7.2. Điều kiện về ngoại ngữ**

Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng Anh;
- Một trong các chứng chỉ/ chứng nhận trình độ tiếng Anh đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được quy định tại phụ lục 2 và phụ lục 3.

**Lưu ý:**

- ĐHQGHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi theo hình thức trực tuyến;
- Các thí sinh có thể sử dụng kết quả bài thi VNU Test trước hoặc cùng đợt tuyển sinh làm minh chứng về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển thạc sĩ (kết quả bài thi VNU test không được sử dụng làm minh chứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của các CTĐT thạc sĩ).
- **Lịch thi VNU Tests đợt 1 vào ngày Chủ nhật, 12/05/2024 và đợt 2 vào ngày Chủ nhật, 15/09/2024.** Thí sinh có nhu cầu thi để cấp chứng nhận VNU Tests đăng ký trực tiếp với Trường Đại học Ngoại ngữ. Ngoài 2 đợt thi trên, Trường ĐHNN có tổ chức thêm nhiều đợt thi khác trong năm và không giới hạn số lần thí sinh dự thi (xem lịch thi tại: <https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests/>).

**7.3 Điều kiện về kinh nghiệm công tác**

- Thí sinh thuộc Nhóm 1 được tham gia xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp.
- Thí sinh thuộc Nhóm 2 và Nhóm 3 cần ít nhất 1 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công tác liên quan.

Năm kinh nghiệm tính từ ngày kí quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.

Lĩnh vực công tác liên quan gồm: quản lý nhà nước, quản lý khoa học và công nghệ, quản lý kinh tế, hoặc quản trị kinh doanh.

**8. Xét tuyển**

**8.1. Quy trình xét tuyển**

Dựa trên đối tượng tuyển sinh mang tính đặc thù và chuyên ngành đào tạo tích hợp, HSB tổ chức xét tuyển theo phương thức mới và hiện đại thông qua: đánh giá hồ sơ, phỏng vấn chuyên môn của thí sinh và viết luận.

- **Vòng 1:** Đánh giá hồ sơ

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các tiêu chí: Năng lực học tập ở bậc cử nhân, trình độ ngoại ngữ, công bố khoa học, thư giới thiệu. Thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ đạt từ 60/100 điểm được coi là vượt qua vòng đánh giá hồ sơ và sẽ được thông báo về thời gian tham gia vòng 2 (Vòng Phỏng vấn và thi viết luận).

- **Vòng 2:** gồm 2 nội dung Phỏng vấn và thi viết luận

Điều kiện tham dự: Thí sinh vượt qua vòng 1 sẽ đủ điều kiện tham gia vòng 2. Chi tiết mỗi nội dung đánh giá như sau:

#### **Phỏng vấn:**

- Ngôn ngữ sử dụng trong phỏng vấn: Tiếng Anh.
- Hình thức phỏng vấn: trực tiếp hoặc trực tuyến trong đó, hình thức phỏng vấn trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp bất khả kháng và được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.
- Thang điểm và tiêu chí đánh giá: Vòng phỏng vấn đánh giá theo thang điểm 100 theo các tiêu chí: Mục đích học tập của thí sinh; Hiểu biết về Chính trị - Kinh tế - Văn hóa – Xã hội; Kiến thức chuyên môn; Kinh nghiệm công tác; Khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu (bao gồm cả khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên môn nếu có); Đạo đức và trách nhiệm. Thí sinh có điểm phỏng vấn đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển.

#### **Thi viết luận**

- Mục đích của bài viết luận nhằm kiểm tra năng lực học tập của thí sinh. Thí sinh được yêu cầu trình bày ý kiến, quan điểm về một vấn đề liên quan đến chương trình đào tạo.
- Ngôn ngữ sử dụng trong thi viết luận: Tiếng Anh
- Thời gian thi: 30 phút
- Thang điểm: Cán bộ chấm thi sẽ chấm bài thi viết luận theo thang điểm 100. Thí sinh có điểm viết luận đạt từ 60/100 điểm sẽ đủ điều kiện tham gia xét tuyển

#### **8.2. Xét tuyển**

- Thí sinh có tổng điểm vòng 2 (tổng điểm phỏng vấn và thi viết luận) đạt từ 120/200 điểm sẽ đủ điều kiện xét trúng tuyển.
- Hội đồng tuyển sinh sẽ xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- Trường hợp bằng điểm nhau ở cuối danh sách sẽ xét theo thứ tự ưu tiên thí sinh có điểm đánh giá hồ sơ cao hơn, thí sinh có điểm đánh giá phỏng vấn cao hơn.

#### **8.3. Thời gian xét tuyển và thông báo kết quả dự kiến**

- Thời gian xét tuyển: Đợt 1: Trước 27/5/2024 và Đợt 2: Trước 30/09/2024
- Thời gian thông báo kết quả: Đợt 1: Trước 29/05/2024 và Đợt 2: Trước 02/10/2024

#### **8.4. Thời gian nhập học và khai giảng dự kiến**

- Thời gian nhập học: Đợt 1: Trước 22/06/2024 và Đợt 2: Trước 26/10/2024
- Thời gian khai giảng năm học (dự kiến): Tháng 10/2024

### **9. Học phí và lệ phí**

#### **9.1 Học phí toàn khóa**

- Học phí toàn khóa: **150,000,000 đồng/ Khóa**
- Học phí toàn khoá đối với học viên người nước ngoài bằng 150% học phí toàn khoá nêu trên.
- Học phí được đóng thành các đợt theo qui định và sẽ được thông báo khi thí sinh trúng tuyển.
- Học viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được xin cấp học bổng bán phần và toàn phần.
- Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí quản trị, chi phí đào tạo, in tập bài giảng và tài liệu, hội thảo, thực hành; chi phí sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, điều hòa; dịch vụ teabreak...
- Học phí KHÔNG bao gồm: lệ phí dự tuyển đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có); lệ phí học và thi chứng chỉ tiếng Anh (nếu có).

#### **9.2 Lệ phí đăng ký và xét tuyển năm 2024**

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh;
- Lệ phí phỏng vấn và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO) và Phòng Kế hoạch Tài chính HSB.

### **10. Hồ sơ đăng ký**

<b>A. Giấy tờ bắt buộc</b>				
1.	Phiếu đăng ký dự tuyển (Theo mẫu)	:	01	Bản gốc
2.	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển	:	01	Bản gốc
3.	CMT/ CCCD	:	01	Bản sao
4.	Giấy khai sinh	:	01	Bản sao
5.	Giấy xác nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự tuyển	:	01	Bản gốc

6.	Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học <i>Lưu ý: Văn bằng đại học do sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành</i>	:	01	Bản sao
7.	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Hoặc tương đương)	:	01	Bản sao
8.	02 ảnh 3x4cm và 02 ảnh 4x6cm, chụp trong thời gian không quá 6 tháng tính tới ngày dự tuyển	:	04	Ảnh
9.	QĐ tuyển dụng/ QĐ bổ nhiệm/ QĐ tăng lương/ HĐLĐ dài hạn/ Giấy đăng kí thành lập doanh nghiệp (Đối với chủ doanh nghiệp) ... hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 1 năm liên tục của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận kinh nghiệm công tác (theo mẫu) <i>(đối với thí sinh thuộc Nhóm 2 và Nhóm 3)</i>	:	01	Bản sao
10.	Chứng nhận hoàn thành chương trình Bổ sung kiến thức theo chuyên ngành dự tuyển trong thời hạn 05 năm tính tới ngày dự tuyển <i>(đối với thí sinh thuộc Nhóm 2 và Nhóm 3)</i>	:	01	Bản sao
<b>B. Giấy tờ khác</b>				
11.	Thư giới thiệu của cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp/ nhà khoa học/ nhà giáo (đối với thí sinh được cơ quan/ tổ chức cử đi học) (theo mẫu)	:	01	Bản gốc

#### 11. Địa chỉ liên hệ và nộp hồ sơ

**Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB), Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO)**

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 024. 6292.3030 – 0903.281.028

Email: [pomo@hsb.edu.vn](mailto:pomo@hsb.edu.vn)

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Các đơn vị, cơ quan liên quan;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: VT, TS, ĐT, KH-TC.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Hoàng Đình Phi**

# PHỤ LỤC 1 KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số 139/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)

## 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ cần tích lũy:</b>	<b>70 tín chỉ (105 ECTS)</b>
- Khối kiến thức chung:	4 tín chỉ (6 ECTS)
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	42 tín chỉ (63 ECTS)
+ Bắt buộc:	27 tín chỉ (40,5 ECTS)
+ Lựa chọn:	15 tín chỉ (22,5 ECTS) / 45 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học:	24 tín chỉ (36 ECTS)
+ Dự án/ Chuyên đề:	12 tín chỉ (18 ECTS)
+ Luận văn Thạc sĩ:	12 tín chỉ (18 ECTS)

## 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>4</b>				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	140	T. Việt T. Anh
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>42</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>27</b>				
2	HSB6019E	Tổng quan về phát triển bền vững <i>General Introduction to Sustainable Development</i>	3	42	6	102	T. Anh
3	HSB6001E	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies &amp; Plans</i>	3	42	6	102	T. Anh
4	HSB6038E	Quản trị nguồn nhân lực và nhân tài cho nhà quản trị <i>Management of Human Resources &amp; Talents for managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
5	HSB6039E	Quản trị công ty nâng cao <i>Advanced Corporate Governance</i>	3	42	6	102	T. Anh
6	HSB6040E	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo <i>Management of Technology &amp; Innovation</i>	3	42	6	102	T. Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
7	HSB6041E	Quản trị Marketing và truyền thông cho nhà quản trị <i>Management of Marketing &amp; Communication for Managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
8	HSB6018E	Tài chính và kế toán cho nhà quản trị <i>Accounting and Finance for Managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
9	HSB6042E	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	3	42	6	102	T. Anh
10	HSB6043E	Phân tích dữ liệu cho nhà quản trị <i>Data Analysis for Managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/45</b>				
11	HSB6006E	Kinh tế học quản trị <i>Managerial Economics</i>	3	42	6	102	T. Anh
12	HSB6045E	Báo chí và truyền thông cho nhà quản trị <i>Journalism and Communication for Managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
13	HSB6046E	Văn hóa doanh nghiệp cho nhà quản trị <i>Corporate Culture for Managers</i>	3	42	6	102	T. Anh
14	HSB6010E	Quản trị phát triển doanh nghiệp <i>Management of Entrepreneurship</i>	3	42	6	102	T. Anh
15	HSB6037E	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Risk &amp; Corporate Security</i>	3	42	6	102	T. Anh
16	HSB6047E	Quản trị sản xuất và hoạt động <i>Management of Manufacturing &amp; Operation</i>	3	42	6	102	T. Anh
17	HSB6015E	Quản trị chuỗi cung ứng và hậu cần <i>Supply Chain and Logistics Management</i>	3	42	6	102	T. Anh
18	HSB6048E	An ninh thương hiệu <i>Brand Security</i>	3	42	6	102	T. Anh

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Ngôn ngữ đào tạo
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
19	HSB6020E	Quản trị marketing quốc tế <i>International marketing</i>	3	42	6	102	T. Anh
20	HSB6021E	Luật kinh doanh quốc tế <i>International Business Law</i>	3	42	6	102	T. Anh
21	HSB6055E	Quản trị dự án và kinh doanh quốc tế <i>Project Management and International Business</i>	3	42	6	102	T. Anh
22	HSB6023E	Đàm phán, lãnh đạo và kỹ năng truyền thông <i>Negotiation, Leadership and Communication</i>	3	42	6	102	T. Anh
23	HSB6056E	Quản trị kinh doanh số <i>Management of Digital Business</i>	3	42	6	102	T. Anh
24	HSB6049E	Môi trường, xã hội và quản trị <i>Environmental, Social, and Governance</i>	3	42	6	102	T. Anh
<b>III</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>		<b>24</b>				
25	HSB7004E	Dự án/ Chuyên đề 1 <i>Research Assignment 1</i>	4				T. Anh
26	HSB7005E	Dự án/ Chuyên đề 2 <i>Research Assignment 2</i>	4				T. Anh
27	HSB7006E	Dự án/ Chuyên đề 3 <i>Research Assignment 3</i>	4				T. Anh
28	HSB7007E	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	12				T. Anh
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			<b>70</b>				

**Lưu ý:** Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá

**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH**  
**ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số 139/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)*

1. Chứng nhận kết quả bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp (VNU Tests) do Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN cấp
2. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến ngày 29/02/2024)

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	16.	Trường Đại học Ngoại thương
2.	Trường ĐH Hà Nội	17.	Học viện Khoa học quân sự
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	18.	Học viện Cảnh sát nhân dân
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	19.	Trường Đại học Quy Nhơn
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	20.	Trường Đại học Tây Nguyên
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21.	Trường Đại học Sài Gòn
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	22.	Trường Đại học Văn Lang
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	23.	Trường Đại học Trà Vinh
9.	ĐH Thái Nguyên	24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
10.	Trường ĐH Cần Thơ	25.	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	26.	Trường Đại học Lạc Hồng
12.	Trường ĐH Vinh	27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM
13.	Học viện An ninh nhân dân	28.	Trường Đại học Công thương TP.HCM
14.	Học việc Báo chí và Tuyên truyền	29.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
15.	Trường Đại học Thương mại	30.	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

**3. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1	Educational Testing Service (ETS)		√		
2	British Council (BC)	√			√
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√		√	

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢNG THAM CHIẾU MỨC ĐIỂM TỐI THIỂU**  
**MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 4**  
**THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**  
*(Kèm theo Thông báo số 139/TB-QT&KD, ngày 7 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Quản trị và Kinh doanh)*

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 4	5.5	72 iBT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- B1 Preliminary: 160</li> <li>- B2 First: 160</li> <li>- C1 Advanced: 160</li> <li>- B1 Business Preliminary: 160</li> <li>- B2 Business Vantage: 160</li> <li>- C1 Business Higher: 160</li> </ul>	Level 3	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú:

(\*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 8 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: [https://bit.ly/mau\\_ccvstep](https://bit.ly/mau_ccvstep)).

DHQQHN không chấp nhận sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi theo hình thức trực tuyến.